

PHỤ LỤC ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG **(Kèm theo Dự thảo Hợp đồng điện tử)**

E.ĐKC 1.7

Công trình bao gồm:

Gói thầu số 7 (Xây lắp): Thi công xây lắp và cung cấp, lắp đặt thiết bị công trình.

- Quy mô, nội dung đầu tư xây dựng: Cải tạo sửa chữa Trụ sở Chi nhánh BIDV Trung Sơn Thanh Hóa có 5 tầng, diện tích mỗi mặt sàn khoảng 390m² và tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.950m². Sân vườn với diện tích khoảng 696,6m². Chuyển đổi nhà cán bộ nhân viên thành nhà ăn kết hợp với nhà nghỉ cho cán bộ nhân viên với tổng diện tích khoảng 121,4m² (2 tầng). Với quy mô như trên, Trụ sở làm việc mới này hoàn toàn đáp ứng đủ nhu cầu cho một văn phòng làm việc đầy đủ tiện ích hiện đại và tiêu chuẩn sử dụng đối với một trụ sở Chi nhánh của BIDV. Nội dung cụ thể như sau:

+ Phần tháo dỡ:

- Sân vườn: tháo dỡ hàng rào, biển đá đề tên biển Trụ sở trước mặt đường Trần Phú, phá bỏ gạch lát sân.
- Tòa nhà làm việc: tháo dỡ vách thạch cao phân chia phòng hiện trạng, cửa, vệ sinh, ...
- Nhà ăn: phá tường, cạo bỏ lớp sơn ngoài, tháo cửa sổ và cửa đi, ...bóc sàn, tường và thiết bị vệ sinh,...

+ Cải tạo, xây dựng và hoàn thiện:

- Hệ thống cửa gỗ, cửa kính, vách ngăn chia, vách gỗ trang trí, giấy dán tường, hệ thống rèm. Hệ thống sàn thảm, gạch, nẹp chân tường, trần thạch cao. Chuyển đổi vị trí cửa kho tiền, xây mới lại khu vệ sinh các tầng,
- Các hệ thống kỹ thuật: điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, hệ thống mạng lan thoại, hệ thống điều hòa không khí – thông gió, PCCC, camera,...
- Bảng biển quảng cáo: hệ thống logo, backdrop, biển hiệu trong và ngoài nhà theo nhận diện thương hiệu của BIDV;
- Sân vườn: đá, bồn cây, bệ đá gắn tên Trụ sở Chi nhánh,
- Phần trang bị nội thất: Hệ thống bàn quầy giao dịch khách hàng, bàn, ghế làm việc; hệ thống bàn; ghế hội họp, tiếp khách; hệ thống tủ tài liệu, tủ trang trí; Hệ thống kho lưu trữ.... Đáp ứng quy định của BIDV.
- Nhà ăn: bổ sung thêm phòng bếp, cải tạo thành nhà ăn. Thay cửa, vách ngăn, vách gỗ trang trí, Hệ thống rèm, sàn gạch, trần thạch cao, ...

E-ĐKC 28

- Ngày khởi công: Đại diện CĐT và Nhà thầu thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

- Ngày hoàn thành: Đại diện CĐT và Nhà thầu thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

E-ĐKC 30.7

Các trường hợp khác:

Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;
- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;
- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.
- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng;
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;
- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;
- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của Hợp đồng.

E-ĐKC 42.1

Tạm ứng: Nhà thầu sẽ được tạm ứng 15 % giá trị Hợp đồng, tương ứng số tiền là ... đồng.

Tiền tạm ứng của nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư chuyển trực tiếp vào tài khoản của nhà thầu, cụ thể như sau:

- + Công ty ...
- Điều kiện tạm ứng, hồ sơ đề nghị tạm ứng:
 - +) Hợp đồng có hiệu lực và Nhà thầu có văn bản đề nghị tạm ứng (trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh có văn bản đề nghị gửi BIDV và thành viên đứng đầu liên danh. Trên cơ sở đề nghị của các thành viên, Nhà thầu đứng đầu liên danh có văn bản đề nghị Chủ đầu tư tạm ứng).
 - +) Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại [Mẫu số 16. Bảo lãnh tiền tạm ứng, E-HSMT]. Thư bảo lãnh phải do Ngân hàng có uy tín cấp và không thuộc hệ thống BIDV, chấp thuận bảo lãnh do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV hoặc Ngân hàng, Tổ chức tín dụng khác hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.
 - +) Có Bảng tổng tiến độ thi công, Biện pháp thi công và Danh sách cán bộ chủ chốt tham gia Gói thầu được Chủ đầu tư chấp thuận.
- Thu hồi tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được thu hồi với tỷ lệ 20% giá trị KLHT được Chủ đầu tư chấp thuận thanh toán qua các lần nghiệm thu thanh toán và thu hồi hết khi việc thanh toán giai đoạn đạt đến 80% giá trị Hợp đồng được xác định trong văn bản Hợp đồng.

Thời hạn tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Nhà thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

E-ĐKC 44.1

Phương thức thanh toán:

44.1.1 Thanh toán:

- Giai đoạn nghiệm thu: được phân chia theo các hạng mục hoàn thành như sau:

+ *Hạng mục Phá dỡ;*
+ *Hạng mục cải tạo, hoàn thiện phần xây dựng (xây, trát, ốp, lát, cửa và vách kính...);*

+ *Hạng mục trần, vách thạch cao ngăn chia phòng;*

+ *Hạng mục Đường ống các hệ thống kỹ thuật;*

+ *Hạng mục Đường dây các hệ thống kỹ thuật;*

+ *Hạng mục Lắp đặt thiết bị các hệ thống kỹ thuật điện, nước, điện nhẹ, ...;*

+ *Hạng mục Lắp đặt thiết bị điều hòa, thông gió;*

+ *Hạng mục Lắp đặt thiết bị PCCC;*

+ *Hạng mục Lắp đặt thiết bị nội thất, quảng cáo.*

...

- Các hạng mục nêu trên có thể được Chủ đầu tư và Nhà thầu xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế khi triển khai thi công công trình trên cơ sở đề xuất của các Bên liên quan.

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu. Chủ đầu tư sẽ nghiệm thu theo khối lượng thi công thực tế (không lớn hơn khối lượng theo Hồ sơ thiết kế được BIDV phê duyệt), đồng thời khối lượng được Chủ đầu tư thanh toán không lớn hơn khối lượng trong Hợp đồng ký kết.

- Thanh toán các lần cụ thể do hai Bên thống nhất trên cơ sở tiến độ thi công chi tiết. Giá trị khối lượng thanh toán từng giai đoạn tối đa bằng 90% giá trị khối lượng đã nghiệm thu và được Chủ đầu tư chấp thuận thanh toán;

- Tổng giá trị cộng dồn các khoản đã được tạm ứng, thanh toán của tất cả các đợt trước cộng các khoản phạt, bồi thường vi phạm Hợp đồng phải trả của Nhà thầu cho Chủ đầu tư (nếu có) và giá trị sẽ thanh toán cho đợt đang xem xét không được vượt 80% giá trị Hợp đồng.

- Sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, toàn bộ hồ sơ quyết toán được Tư vấn giám sát xác nhận, Chủ đầu tư chấp thuận, tổng giá trị thanh toán tối đa đến 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) trong trường hợp nhà thầu không phát hành bảo lãnh bảo hành công trình (sử dụng luôn khoản tiền chưa thanh toán để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành công trình). Trường hợp nhà thầu đã phát hành bảo lãnh bảo hành công trình thì giá trị thanh toán tối đa đến 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ khi có Quyết định phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành, BIDV đã có 03 lần gửi văn bản nhắc nhở mà Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ cấp hóa đơn, thanh lý Hợp đồng thì BIDV sẽ chủ động thanh lý, tất toán theo hồ sơ hiện có và sẽ không xem xét, xử lý đối với số tiền còn giữ lại của Nhà thầu.

- Đối với giá trị bổ sung, thay đổi: Chỉ được tạm ứng, thanh toán sau khi TKBVTC (nếu có), dự toán bổ sung, thay đổi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các bên đã thống nhất, ký phụ lục hợp đồng.

44.1.2. Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Nhà thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Chủ đầu tư chậm thanh toán 07 ngày sau thời hạn theo quy định tại điểm a nêu trên thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đó thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

44.1.3. Hồ sơ đề nghị thanh toán

Nhà thầu sẽ nộp 07 bộ Hồ sơ thanh toán lên Chủ đầu tư sau khi đến thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm: các tài liệu liên quan theo hướng dẫn của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng và theo hướng dẫn của Chủ đầu tư, cụ thể:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán, Biên bản nghiệm thu hoàn thành tạm bàn giao hoặc bàn giao đưa vào sử dụng có xác nhận (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) của các thành phần sau: Đại diện hợp pháp của Nhà thầu; Đại diện hợp pháp của TVGS (nếu có); Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư;

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết, có xác nhận (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) của đại diện hợp pháp Nhà thầu, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.

- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

- Văn bản đề nghị thanh toán, cần thể hiện các nội dung (đối với nhà thầu liên danh: từng thành viên liên danh có khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán gửi BIDV và gửi thành viên liên danh. Trên cơ sở văn bản đề nghị của các thành viên, nhà thầu đứng đầu liên danh có văn bản đề nghị CĐT thanh toán): Giá trị đề nghị thanh toán trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành; giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng; Giảm trừ tiền tạm ứng (tương ứng với giá trị thanh toán, giá trị tạm ứng của từng thành viên); Giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản tạm ứng, nợ, phạt vi phạm,...(nếu có);

- Hóa đơn tài chính có giá trị phù hợp với giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu;

- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh tiền tạm ứng còn hiệu lực

44.1.4. Hình thức thanh toán:

- Nhà thầu cung cấp Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Thư bảo lãnh tiền tạm ứng tương ứng với giá trị và thời gian theo quy định.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ, thủ tục thanh toán và phát hành hóa đơn VAT cho Bên A.

- Tiền tạm ứng, thanh toán theo Hợp đồng được chuyển khoản vào tài khoản của nhà thầu.

Trường hợp là nhà thầu liên danh thì việc cung cấp Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Thư bảo lãnh tiền tạm ứng, Tiền tạm ứng, thanh toán sẽ thực hiện theo thỏa thuận liên danh.

E-ĐKC 47.1 (d)

Trường hợp sửa đổi hợp đồng:

- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian thực hiện dự án được người quyết định đầu tư phê duyệt.

- Chỉ điều chỉnh khi có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế).

- Đối với phần khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng, phương pháp xác định đơn giá như sau:

+ Đơn giá phần khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng chưa có đơn giá trong hợp đồng: Các bên phối hợp cùng các đơn vị có liên quan lập đơn giá mới căn cứ theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

+ Đơn giá phần khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng đã có đơn giá trong hợp đồng: Thực hiện theo thông lệ các dự án đã, đang triển khai tại BIDV theo đó Chủ đầu tư (Ban QLDA 1) có sự đánh giá theo giá hợp đồng đã ký và giá dự toán được lập tại thời điểm phát sinh khối lượng theo hướng đảm bảo tiết kiệm bảo vệ quyền lợi của BIDV trong hoạt động đầu tư.

+ Trên cơ sở khối lượng phát sinh Chủ đầu tư (Ban QLDA 1) thương thảo với nhà thầu theo các phương án nêu trên, trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

- Đơn vị QLDA phải kịp thời kiểm tra, phối hợp với nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát tập hợp hồ sơ, trình Chủ đầu tư (hoặc người được phân cấp/ủy quyền) xem xét, phê duyệt các phát sinh làm cơ sở thỏa thuận, ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, thanh quyết toán. Các phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn vị QLDA tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày có nội dung phát sinh và muộn nhất không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc của hợp đồng để thực hiện các thủ tục quyết toán hợp đồng theo quy định. Quá thời hạn yêu cầu, cấp có thẩm quyền tại BIDV không xem xét đối với các nội dung phát sinh (nếu có).

E-ĐKC 49.1

Mức phạt:

Phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

1. Đối với Nhà thầu:

1.1. Xử lý Nhà thầu thực hiện chậm tiến độ so với tiến độ Hợp đồng đã ký kết hoặc so với tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận, trừ trường hợp do lỗi của Chủ đầu tư:

a) Khi tiến độ thực tế chậm 7 ngày so với tiến độ, đơn vị QLDA thực hiện nhắc nhở, trong đó nêu rõ thời gian chậm và yêu cầu Nhà thầu đẩy nhanh tiến độ để đáp ứng yêu cầu tiến độ nghiệm thu giai đoạn thi công đang thực hiện.

b) Tiến độ giai đoạn thi công công trình không hoàn thành so với tiến độ Hợp đồng đã ký kết hoặc tiến độ Chủ đầu tư đã chấp thuận, Nhà thầu sẽ phải chịu phạt chậm tiến độ thực hiện giai đoạn này.

c) Trường hợp Nhà thầu đã triển khai chậm tiến độ giai đoạn trước thì phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ các công việc tiếp theo nhằm đáp ứng yêu cầu tiến độ giai đoạn sau và đáp ứng tiến độ tổng thể đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

d) Khi Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo Hợp đồng hoặc năm mươi sáu (56) ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng (trừ trường hợp được BIDV chấp thuận), đơn vị QLDA có thông báo bằng văn bản chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp Nhà thầu thực hiện vi phạm Hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện Hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của Gói thầu thì đơn vị QLDA có báo cáo Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị QLDA chịu trách nhiệm thu hồi toàn bộ bảo đảm thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, tiền tạm ứng chưa thu hồi của Nhà thầu theo quy định.

f) Mức phạt chậm tiến độ Hợp đồng: Mức phạt tối đa không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm nhưng không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm là tổng giá trị khối lượng của các giai đoạn bị chậm. Số ngày chậm tiến độ tính từ thời điểm tiến độ giai đoạn bị chậm so với tiến độ giai đoạn đã ký kết trong Hợp đồng hoặc tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận.

1.2. Xử lý Nhà thầu chậm trễ trong công tác nghiệm thu, trừ trường hợp do lỗi của Chủ đầu tư hoặc các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được Chủ đầu tư chấp thuận:

a) Đối với nghiệm thu công việc xây dựng: Khi Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu mà các căn cứ nghiệm thu không đầy đủ, không đảm bảo đúng đắn theo quy định thì đơn vị QLDA nhắc nhở Nhà thầu yêu cầu Nhà thầu thực hiện đầy đủ theo quy định.

b) Đối với nghiệm thu giai đoạn thi công hoặc bộ phận công trình:

- Khi Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu mà các căn cứ nghiệm thu không đầy đủ, không đảm bảo tính đúng đắn, chất lượng chưa đảm bảo theo quy định thì đơn vị QLDA nhắc nhở Nhà thầu yêu cầu khắc phục, sửa chữa với thời hạn tối đa trong vòng 7 ngày tùy theo nội dung phải khắc phục, sửa chữa. Thời gian khắc phục của Nhà thầu không tính vào thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Trong cùng giai đoạn thi công hoặc bộ phận công trình nếu phải nhắc nhở đến lần thứ 3: đơn vị QLDA thông báo cho Nhà thầu, trong đó nêu rõ trường hợp Nhà thầu vẫn không khắc phục, sửa chữa trong vòng 7 ngày thì đơn vị QLDA được toàn quyền thực hiện tập hợp hồ sơ Hợp đồng hiện có để thực hiện quyết toán Hợp đồng theo quy định.

c) Đối với nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng:

- Khi Chủ đầu tư, người có trách nhiệm của Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu mà các căn cứ nghiệm thu không đầy đủ, không đảm bảo đúng đắn, chất lượng chưa đảm bảo theo quy định thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Nhà thầu để yêu cầu khắc phục, sửa chữa, bổ sung hồ sơ quản lý chất lượng trong vòng 15 ngày.

- Trường hợp công trình còn một số tồn tại, một số sai sót của thiết kế hoặc kiểm khuyết trong thi công xây dựng nhưng không ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng, mỹ quan của công trình và không gây cản trở cho việc khai thác, sử dụng công trình theo yêu cầu thiết kế: Đơn vị QLDA phải quy định thời hạn sửa chữa các sai sót này trong Biên bản nghiệm thu nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

- Đơn vị QLDA có văn bản thông báo, nhắc nhở đến lần thứ 3, trong đó nêu rõ trường hợp Nhà thầu vẫn không khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu trong vòng 15 ngày tiếp theo thì đơn vị QLDA được toàn quyền thực hiện tập hợp hồ sơ Hợp đồng hiện có để thực hiện quyết toán Hợp đồng theo quy định.

d) Phạt chậm trễ trong công tác nghiệm thu: Chậm trễ trong công tác nghiệm thu mà ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình sẽ bị xử lý theo phương thức phạt chậm tiến độ quy định tại khoản mục 1.1 Điều này.

1.3. Xử lý Nhà thầu chậm quyết toán Hợp đồng xây dựng:

a) Nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán Hợp đồng chậm so với thời gian quy định, trừ trường hợp do lỗi của Bên giao thầu:

- Hết thời hạn quy định phải nộp hồ sơ quyết toán theo Hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành (trong trường hợp Hợp đồng chưa quy định), đơn vị QLDA thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu, trong đó nêu rõ thời hạn phải nộp hồ sơ quyết toán, nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được văn bản qua đường bưu điện.

- Sau thời hạn yêu cầu phải nộp hồ sơ quyết toán đã thông báo lần thứ 1, đơn vị

QLDA nhắc nhở đến lần thứ 2, trong đó nêu rõ nếu Nhà thầu vẫn không nộp hồ sơ quyết toán trong vòng 15 ngày tiếp theo thì đơn vị QLDA được toàn quyền thực hiện tập hợp hồ sơ Hợp đồng hiện có để thực hiện quyết toán Hợp đồng theo quy định.

- Mức phạt tối đa là 7% giá trị Hợp đồng đối với hành vi kéo dài thời gian nộp hồ sơ quyết toán công trình theo quy định. Số tiền phạt được khấu trừ vào giá trị phải trả cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoặc quyết toán Hợp đồng.

b) Nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán nhưng chưa đủ tài liệu hợp lệ, trừ trường hợp do lỗi của Bên giao thầu:

- Đơn vị QLDA thông báo cho Nhà thầu biết bằng văn bản, trong đó nêu rõ các nội dung cần bổ sung, làm rõ, giải trình và yêu cầu trong vòng 15 ngày phải nộp hồ sơ quyết toán đầy đủ, chính xác và có ý kiến trả lời cho đơn vị QLDA bằng văn bản.

- Sau thời hạn yêu cầu đã thông báo lần thứ 1, đơn vị QLDA nhắc nhở đến lần thứ 2, trong đó nêu rõ nếu Nhà thầu vẫn không nộp hồ sơ quyết toán đầy đủ, chính xác trong vòng 7 ngày thì đơn vị QLDA được toàn quyền thực hiện tập hợp hồ sơ Hợp đồng hiện có để thực hiện quyết toán Hợp đồng theo quy định.

- Mức phạt tối đa là 7% giá trị Hợp đồng đối với hành vi kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác quyết toán công trình theo quy định. Số tiền phạt được khấu trừ vào giá trị phải trả cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoặc quyết toán Hợp đồng.

c) Nhà thầu không phối hợp với đơn vị QLDA hoàn tất các thủ tục trong quá trình kiểm toán, thẩm định/phê duyệt quyết toán, thanh/quyết toán:

- Đơn vị QLDA thông báo cho Nhà thầu biết bằng văn bản, trong đó nêu rõ thời gian, nội dung yêu cầu Nhà thầu phải hoàn tất các thủ tục trong vòng 15 ngày thì BIDV được toàn quyền quyết định xử lý trên cơ sở hồ sơ hiện trạng của Hợp đồng.

- Sau thời gian yêu cầu theo thông báo mà Nhà thầu không thực hiện, BIDV thực hiện thủ tục quyết toán dự án hoàn thành, thanh lý Hợp đồng theo quy định.

- Mức phạt tối đa là 7% giá trị Hợp đồng đối với hành vi kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác quyết toán công trình theo quy định. Số tiền phạt được khấu trừ vào giá trị phải trả cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoặc quyết toán Hợp đồng.

1.4. Xử lý Nhà thầu vi phạm các cam kết Hợp đồng:

Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất), BIDV sẽ công bố danh sách các Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, uy tín kèm theo chi tiết nội dung, thời gian vi phạm của Nhà thầu. Căn cứ danh sách do BIDV công bố, Bên mời thầu, đơn vị thẩm định chịu trách nhiệm cập nhật vào tiêu chí đánh giá của E-HSMT/HSYC đối với các Nhà thầu đã công bố không đạt yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, uy tín trong các trường hợp sau:

a) Trong vòng 5 năm kể từ khi BIDV công bố danh sách các Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, uy tín đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu đã từng vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Bị BIDV chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn, trừ các trường hợp Nhà thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

- Thực hiện chậm tiến độ Hợp đồng mà BIDV phải chủ động tập hợp hồ sơ, tài liệu để thực hiện thủ tục quyết toán Hợp đồng.

- Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định Nhà thầu vi phạm về chất lượng hoặc để xảy ra sự cố về chất lượng công trình.

- Thực hiện chậm tiến độ 3 Hợp đồng, trong đó có Hợp đồng chậm quá 10% tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Trong vòng 3 năm kể từ khi BIDV công bố danh sách các Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, uy tín đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu đã từng vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Vi phạm quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình trong quá trình thi công hoặc XDCT không đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật và của BIDV.

- Chậm quyết toán Hợp đồng mà BIDV phải chủ động tập hợp hồ sơ, tài liệu để thực hiện thủ tục quyết toán Hợp đồng.

- Bị phạt lớn hơn 10% giá trị Hợp đồng.

- Để xảy ra tai nạn lao động, cháy, nổ có thiệt hại về người và tài sản.

- Trong thời gian bảo hành phải sửa chữa sai sót, khiếm khuyết hư hỏng mà Chủ đầu tư/Đơn vị QLDA/Đơn vị sử dụng công trình yêu cầu bằng văn bản đến lần thứ 3 nhưng không khắc phục sửa chữa.

c) Trong vòng 1 năm kể từ khi BIDV công bố danh sách các Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, uy tín đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có Hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán Hợp đồng và hành vi này BIDV đã phải nhắc nhở đến lần thứ 2 bằng văn bản.

1.5. Xử lý phạt vi phạm do Bên B mang vật tư, thiết bị không đúng chủng loại quy định vào công trường:

Bên B phải mang toàn bộ vật tư, thiết bị không đúng chủng loại ra khỏi công trường trong vòng 24 giờ và chịu phạt 10.000.000 đồng cho lần vi phạm đầu tiên; vi phạm từ lần thứ 2 trở đi phạt 20.000.000 đồng/lần.

1.6. Trường hợp Bên B không tham gia các cuộc họp giao Ban hoặc tham gia không đúng thành phần sẽ bị xử lý phạt vi phạm như sau:

- Nếu vi phạm lần đầu phạt 2.000.000 đồng, lần 2 phạt 4.000.000 đồng, lần 3 phạt 6.000.000 đồng cho mỗi cán bộ vắng mặt;

- Nếu vi phạm lần thứ 4 trở lên, Bên A sẽ đề nghị thay thế cán bộ khác.

- Số tiền phạt sẽ được Bên A trừ ngay vào kinh phí Hợp đồng của Bên B trong lần tạm ứng thanh toán gần nhất.

2. Bên A vi phạm:

Ngoài việc phải nhanh chóng khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của Hợp đồng để trả Hợp đồng về trạng thái trước khi bị vi phạm và bồi thường những thiệt hại do các vi phạm này gây ra cho Bên B trong phạm vi của Gói thầu này, Bên A còn phải

trả cho Bên B khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo qui định dưới đây:

- Nếu Bên A chậm tạm ứng, thanh toán cho Bên B các khoản tạm ứng, thanh toán khi đã đủ điều kiện tạm ứng/thanh toán theo qui định thì Bên A bị phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán bằng cách áp dụng lãi suất quá hạn do Ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố tính từ ngày hết hạn thanh toán cho giá trị phải được tạm ứng hoặc thanh toán cho Bên B.

- Khoản tiền phạt Bên A vi phạm Hợp đồng sẽ được cộng ngay vào khoản tạm ứng hoặc thanh toán gần nhất cho Bên B.

- Tổng giá trị phạt vi phạm Hợp đồng tối đa không quá 12% giá trị Hợp đồng, nếu giá trị phạt vi phạm Hợp đồng quá 12% Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng, Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B và chịu phạt theo qui định của Hợp đồng.

E-ĐKC 49.3

Thưởng hợp đồng:

Trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì Bên A sẽ xem xét thưởng theo quy định.

E-ĐKC 54

Thời gian bàn giao công trình: Đại diện CĐT và Nhà thầu thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

E-ĐKC 55.1

Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Tại thời điểm nghiệm thu giai đoạn thi công công trình.

Mẫu số 15

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số [*ghi số hợp đồng*] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.